



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

LƯU MINH TRỊ
(Chủ biên)

LÀNG CỔ HÀ NỘI

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

LÀNG CỔ HÀ NỘI

TẬP 2

Chỉ đạo thực hiện Dự án:
THÀNH ỦY - ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thường trực Hội đồng Tư vấn khoa học:

GS. VŨ KHIÊU - *Chủ tịch Hội đồng*

Ông HỒ QUANG LỢI - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

PGS.TS. PHẠM QUANG LONG - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

Hội đồng khoa học nghiệm thu bản thảo:

PGS.TS. ĐẶNG VĂN BÀI - *Chủ tịch Hội đồng*

PGS.TS. NGUYỄN CHÍ MỸ - *Phản biện 1*

PGS.TS. ĐỖ THỊ HẢO - *Phản biện 2*

PGS.TS. BÙI XUÂN ĐÌNH - *Ủy viên*

Ông ĐẶNG VĂN TU - *Ủy viên*

GS.TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH - *Ban Tư vấn sách KT-VH-XH, Ủy viên*

Ông LÊ TIẾN DŨNG - *Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập NXB Hà Nội, Ủy viên*

Ông PHẠM QUỐC TUẤN - *Nguyên Chánh Văn phòng Dự án, Ủy viên*

Bà PHẠM THÙY DƯƠNG - *Phó Tổng Giám đốc NXB Hà Nội, Thư ký*

ThS. QUÁCH THỊ HÒA - *Phó Chánh Văn phòng Dự án, Thư ký*

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Làng cổ Hà Nội / B.s.: Lưu Minh Trị (Ch.b.), Trịnh Văn Ban, Đặng Bằng... - H. : Nxb.
Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long nghìn năm văn hiến)

Phụ lục: tr. 561-602. - Thư mục: tr. 603-613

T.2. - 2019. - 620tr.

ISBN 9786045542330

1. Lịch sử 2. Văn hoá 3. Làng cổ 4. Hà Nội
959.731 - dc23

HNK0026p-CIP



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

TS. LƯU MINH TRỊ
(Chủ biên)

LÀNG CỔ HÀ NỘI

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2019

Tham gia biên soạn

1. TRỊNH VĂN BAN
2. ĐẶNG BẰNG
3. NGUYỄN THỊ DƠN
4. BÙI DƯ
5. BÙI XUÂN ĐÍNH
6. HÀ THỊ HẠNH
7. TRỊNH THỊ HẠNH
8. VŨ HỒNG HẢI
9. TRIỆU CHINH HIẾU
10. TRIỆU VĂN HIỂN
11. NGUYỄN THỊ THANH HÒA
12. NGUYỄN KHẢ HÙNG
13. ĐẶNG TRẦN HÙNG
14. VŨ THU HUYỀN
15. ĐINH THỊ LAN HƯƠNG
16. LÊ KHẮC LÂM
17. NGỌ PHƯƠNG LOAN
18. NGHIÊM XUÂN MỪNG
19. TRẦN VĂN MỸ
20. VŨ KIÊM NINH
21. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG
22. PHẠM THỊ LAN PHƯƠNG
23. BÙI NGỌC QUÝ
24. TRỊNH TRỌNG QUÝ
25. BÙI THẾ QUÂN
26. LÊ VĂN TĂNG
27. ĐỖ VĂN THỊNH
28. NGUYỄN TỌA
29. NGUYỄN THỊ TƯƠI
30. LƯU MINH TRỊ
31. NGUYỄN DOÃN TRƯỜNG
32. VŨ HỒNG VINH
33. LÊ THỊ XUYẾN

LÀNG MAI ĐỘNG

(P. Mai Động, q. Hoàng Mai)

1. Vùng đất, con người

Trong nhiều thế kỷ, Mai Động là một xã của huyện Long Đàm, sau đổi Thanh Đàm rồi huyện Thanh Trì. Sách “*Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*” do Viện Nghiên cứu Hán Nôm biên dịch cho biết, vào đầu thế kỷ XIX Mai Động thuộc tổng Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, trấn Sơn Nam Thượng. Từ những năm 40 của thế kỷ XX, Mai Động nhiều lần sáp nhập với một số làng để thành lập đơn vị hành chính mới: Năm 1942 thuộc Đại lý Hoàn Long; cuối năm 1946, Mai Động sáp nhập với Quỳnh Lôi gọi là xã Quỳnh Mai; năm 1949 thành lập xã Tam Mai gồm Mai Động, Hoàng Mai, Tương Mai; từ tháng 11-1955 đến tháng 4-1961, Mai Động sáp nhập với Quỳnh Lôi (lần 2) thành xã Quỳnh Mai thuộc quận 7 Hà Nội. Tháng 5-1961, Quỳnh Lôi thuộc nội thành, còn Mai Động sáp nhập với Hoàng Mai thành xã Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì. Ngày 13-7-1982, Mai Động tách khỏi xã Hoàng Văn Thụ để thành lập phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng; từ ngày 1-1-2004, Mai Động thuộc quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Mai Động là một làng cổ phát triển từ rất sớm. Năm 1979, khi nạo vét khơi dòng sông Kim Ngưu, tại đầu làng Mai Động, ở độ sâu 6m, các nhà khảo cổ đã tìm thấy những công cụ bằng đá thuộc thời kỳ đồ đá mới. Trong các di vật đá này, ngoài những rìu bàn mài còn có cả khuyên tai đá tạo tác tinh xảo.

Được phù sa của sông Nhị bồi đắp, tại vùng đất phía nam Hà Nội ngày nay đã hình thành một vùng đất màu mỡ. Bên những gò

TS. LƯU MINH TRỊ (chủ biên)

đồng bãi bồi là những hồ nước mênh mông. Nơi đây khi xưa là cả một rừng mơ bạt ngàn. Hằng năm, về mùa đông hoa mơ nở trắng cả một vùng. Chính ở nơi có sông ngòi rất thuận tiện cho việc giao thương, từ xa xưa, một số ít người Việt đã đến đây sinh cơ lập nghiệp. Họ làm nhà trên những doi đất, sống bằng nghề cấy lúa, trồng dâu, đánh bắt cá trên sông hồ. Trải hàng nghìn năm tạo dựng, cư dân đông đúc dần, và các trại ấp được hình thành. Để ghi nhớ đặc điểm của một vùng đất, người dân liền đặt cho vùng đất này là Động Mai hay Mai Động.

Hơn 10 thế kỷ sau, khi thành Tống Bình - Đại La trở thành Kinh đô của quốc gia Đại Việt thì vùng đất nằm kề cửa ngõ phía đông nam của kinh thành được đặt tên là Cổ Mai, nhưng trong dân gian vẫn gọi nôm na là Kẻ Mơ. Vài thế kỷ sau, khi dân cư đông đúc dần, một số làng được hình thành, để nhớ gốc gác, các làng vẫn giữ chữ Mai. Đó là Mai Động, Hoàng Mai, Tương Mai, Hồng Mai; vào nửa cuối thế kỷ XX có thêm cả xóm Thanh Mai nữa.

Đất Mai Động ngày xưa khá rộng. Phía bắc giáp làng Lạc Trung và Quỳnh Lôi (nay thuộc quận Hai Bà Trưng); phía đông giáp thôn Tân Khai (phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai); phía nam giáp xóm Bến làng Hoàng Mai. Theo địa bạ thời Gia Long (1802 - 1819), Mai Động chỉ có 74 mẫu công điền, chia cho 400 suất đình. Hơn 100 năm sau, theo ông Ngô Vi Liễn, vào năm 1928, Mai Động có 1.024 dân.

Giải thích việc đất đai bị co hẹp, cụ Nguyễn Trọng Xích người làng kể rằng, tại vùng Lạc Trung, gần 3 thế kỷ trước có dinh cơ của con cháu chúa Trịnh. Một lần ngựa nhà chúa ra phá lúa bị người Mai Động đánh chết. Người dân Mai Động phải đền tiền chồng bạc xếp cao bằng con ngựa. Tiền nhỏ dễ đổ, người Mai Động xếp mãi không thành. Đến kỳ nộp phạt có người ở trại Quỳnh Lôi đứng ra bảo lãnh hộ. Người đó từ Thanh Hóa ra ngụ cư có lẽ cùng quê với họ Trịnh, đặt điều kiện khi xong việc phải thế ruộng. Người đó đan một con ngựa bằng nan nửa rồi đổ tiền vào bên trong đền cho nhà chúa, chúa mới ưng cho. Từ đó người Quỳnh Lôi được khá nhiều ruộng của làng Mai Động, từ cánh đồng phía bắc đến khu Giải Đỏ giáp phố Minh Khai ngày nay.

LÀNG CỔ HÀ NỘI (Tập 2)

Phần đất còn lại của làng Mai Động gồm nhiều xứ đồng. Mỗi xứ đồng gắn với một tên gọi: Giải Đỏ, Đống Tư Hồng, Đống Rùa, Đống Cồn... Tại khu vực cánh đồng gần làng xưa có nhiều gò đồng nhấp nhô. Phía đông có Đống Mối, Đống Cơm, Đống Vật, Đống Lãng... Phía nam có Đống Cái Cua. Tại Đống Cái Cua có Mả Quan. Hằng năm vào ngày mồng 1 tháng Tư âm lịch, sau lễ cầu mát tại đình, các trai đình khỏe mạnh chạy thật nhanh mang vàng mã như voi, ngựa, ông Khổng Lồ bà La Sát ra đốt ở Mả Quan, dân làng gọi là chạy mã. Tại khu vực Nhà máy dệt 8-3 (nay là khu đô thị Times City), đối diện với Nghĩa trang Hợp Thiện có đồng Chúng Sinh. Đây là nơi chôn cất các trẻ sơ sinh vô thừa nhận. Năm Bảo Đại thứ 5 (1930) các nhà hảo tâm xây tại đây nhà bia bốn mái, cao hơn 3m; ở giữa đặt tấm bia đá (2 x 1,3m), nội dung văn bia nói về lòng từ thiện của con người trước những số phận hẩm hiu. Trên đất xứ Bã Lùng, bà Trương Ngọc xây ba dãy nhà cho trẻ em lang thang ở nên gọi là xóm Tế Bần. Tháng 3-1945, phát xít Nhật gây ra nạn đói khủng khiếp, Nghĩa trang Hợp Thiện Mai Động là nơi chôn cất hàng nghìn người dân bị chết thê thảm. Năm 1951, Hội Hợp Thiện và nhiều người từ thiện đã đến đây cải táng và quy tập hài cốt của họ vào hai bể lớn. Tại khu vực này có bệ thờ, trên tường đắp nổi các chữ: "Nơi an giấc ngàn năm của đồng bào bị chết vì oanh tạc và nạn đói năm 1944 - 1945".

Trải hàng nghìn năm làm ăn và chiến đấu chống giặc ngoại xâm, trên đất làng Mai Động hiện còn in đậm nhiều dấu ấn của lịch sử. Vào những năm đầu Công nguyên, vì mến cảnh đẹp của rừng mơ đất lạ, và nhận ra vị trí hiểm yếu của vùng đất này, ông Tam Trinh từ huyện Đông Sơn, Thanh Hóa ngày nay, đã đến đây mở trường dạy học bên bờ sông Kim Ngưu. Trường của ông dạy cả văn lẫn võ. Vì mến mộ đức tài, học trò trong vùng theo học rất đông. Mùa xuân năm 40, hưởng ứng lời hiệu triệu của Hai Bà Trưng, thầy trò ông Tam Trinh đã lên Hát Môn tụ nghĩa. Sau khi tiếp kiến, Hai Bà biết ông là người có tài, bèn phong làm tướng tiên phong, chỉ huy một đạo quân tiến đánh thành Luy Lâu (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Trước sức tiến công mạnh như gió bão, Thái thú Tô Định bị đánh bất ngờ,

TS. LƯU MINH TRỊ (chủ biên)

phải bỏ cả ấn kiếm mà chạy mới thoát thân. Khi Hai Bà xưng vương, ông Tam Trinh được phong là Đô úy.

Mùa xuân năm Quý Mão (43), vua Đông Hán cử một đội quân tinh nhuệ do Mã Viện (được vua Hán phong là Phục Ba tướng quân) tiến vào Giao Chỉ theo hai đường thủy bộ. Khi Hai Bà vượt sông Hồng lui về cố thủ ở vùng Cấm Khê (Phú Thọ) thì Đô úy Tam Trinh cũng lui về vùng Mai Động đào hào đắp lũy lập phòng tuyến chặn giặc. Đêm mùng 10 tháng 2 năm đó, sau một trận đánh dữ dội, biết không thể thắng được quân thù, ông một mình lên ngựa ung dung đi ra xứ Gò Đống rồi hóa.

Gần 14 thế kỷ sau, một lần nữa, cánh đồng làng Mai Động lại trở thành bãi chiến trường.

Ngày 4-4-1427, Vương Thông khi đó là tổng chỉ huy quân Minh trên đất Đại Việt đã cho một cánh quân tấn công doanh trại của Thái giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt (thôn Việt Yên, xã Ngũ Hiệp, Thanh Trì). Lúc này Lê Lợi và đại bản doanh đã chuyển đến đóng ở xã Bồ Đề, huyện Gia Lâm. Lê Lợi phái hai tướng Nguyễn Xí và Đinh Lễ đem 500 quân thiết đột đến ứng cứu. Vương Thông giả vờ thua chạy, hai tướng cho quân mai miết đuổi theo, đến cánh đồng Mai Động thì voi bị sa lầy, hai ông đều bị giặc bắt. Sau đó, Nguyễn Xí lợi dụng đêm mưa gió trốn thoát, còn Đinh Lễ bị giặc giết. Sau trận này, Vương Thông thổi phồng chiến thắng hòng trấn an tinh thần quân sĩ ở trong thành Đông Quan bị vây hãm, đang rơi vào thế cùng, Nguyễn Trãi liền viết gửi cho Vương Thông nói rõ những điều tất thắng của Nghĩa quân Lam Sơn và những điều tất phải thua của quân Minh: *"Biển cả thêm một giọt nước không vì thế mà đầy, thiếu một giọt nước không vì thế mà vơi. Người cầm quân giỏi chớ thấy một trận thắng nhỏ mà mừng"* (theo *"Quân trung từ mệnh tập"*).

2. Xóm và giáp

Làng Mai Động có 5 xóm: Chùa, Chợ, Đống Cơm, Đình và xóm Mơ Táo. Những họ gốc của Mai Động có họ Nguyễn, Triệu (có Triệu Văn và Triệu Khắc), Dương, Phạm, Trần (chỉ có một gia đình chuyển